

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2022

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phương Văn Tư.

2. Bà: Lục Thị Tuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc: “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị D**, sinh năm 199x.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: anh **Hoàng Văn K**, sinh năm 199x;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/6/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Đặng Thị D trình bày: Năm 2018, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh K tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 14/3/2018, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn và cãi vã, nhiều lần bố mẹ cũng khuyên nhủ giúp hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Trong cuộc sống hôn nhân bất đồng quan điểm không thể nào giải quyết được, anh K bỏ bê vợ con, không chu cấp tiền giúp chị nuôi con. Vì vậy hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh K cũng không hỏi thăm, động viên hay có ý định hàn gắn lại vợ chồng. Hiện nay, giữa hai người đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn K. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Hoàng Thanh T, sinh ngày 01/4/201x, hiện nay con đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Giữa chị và anh K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/8/2022, bị đơn Hoàng Văn K xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị D trình bày là đúng. Anh có biết việc chị D làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh. Anh đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh nhưng do đau chân nên không đến tham gia tố tụng được. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Sau khi ly hôn anh K nhất trí để chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung; Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang bị đau chân, đi lại khó khăn nên anh Khoát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn K;
- Về con chung: Giao con chung Hoàng Thanh T cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh K;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị D phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Văn K có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Hoàng Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để giải quyết vụ án nhưng anh không có mặt. Khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Đặng Thị D yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn K, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị D và anh Hoàng Văn K tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 14/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị D và anh K là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa, chị D và anh K đã ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân anh K cũng không hỏi thăm, động viên hay có ý định hàn gắn lại vợ chồng. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 10/8/2022, anh K cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị D và anh K có 01 con chung tên Hoàng Thanh T, sinh ngày 01/4/201x, hiện nay đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh K không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu T cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu. Mặt khác anh K cũng nhất trí để chị D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cháu Hoàng Thanh T cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh K là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn K.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 01/4/201xx cho chị Đặng Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh K.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đặng Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị D, anh K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Đình Phong;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng